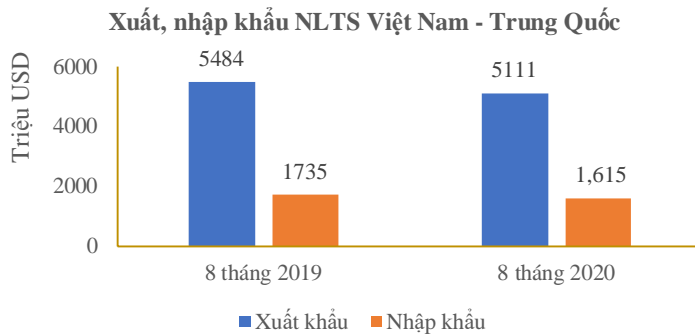


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

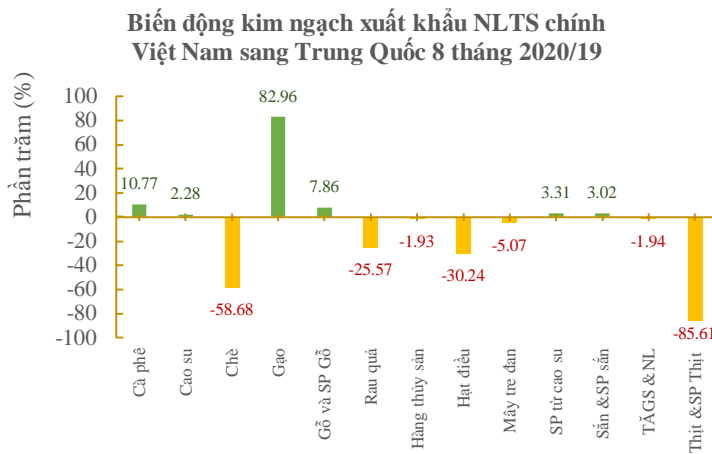
Thị trường TRUNG QUỐC

TÌNH HÌNH CHUNG



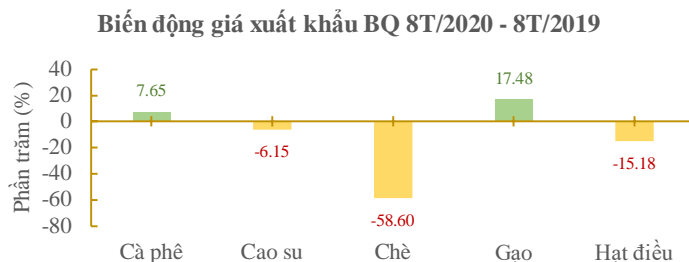
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc (8T/2020 – 8T/2019)

Xuất khẩu	▼ 6,81 %
Nhập khẩu	▼ 6,92 %



So sánh 8T/2020 với 8T/2019

Cà phê	▲ 10,77 %
Cao su	▲ 02,28 %
Chè	▼ 58,68 %
Gạo	▲ 82,96 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 07,86 %
Rau quả	▼ 25,57 %
Thủy sản	▼ 01,93 %
Hạt điều	▼ 30,24 %
Mây tre đan	▼ 05,07 %
SP từ cao su	▲ 03,31 %
Sắn và SP Sắn	▲ 03,02 %
TĂGS và NL	▼ 01,94 %
Thịt và SP thịt	▼ 85,61 %



So sánh giá xuất khẩu 8T/2020 – 8T/2019

Cà phê	▲ 07,65 %
Cao su	▼ 06,15 %
Chè	▼ 58,60 %
Gạo	▲ 17,48 %
Hạt điều	▼ 15,18 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trung Quốc là đối tác thương mại NLTS lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc đang trên đà hồi phục, kim ngạch xuất khẩu tháng 8/2020 đạt 741 triệu USD, tăng 8,22% so với tháng 7/2020, và giảm 0,72% so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu NLTS sang Trung Quốc tăng kể từ đầu năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc là rau quả, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, sắn và các sản phẩm từ sắn, thủy sản, gạo, sản phẩm từ cao su. So với tháng 7 năm 2020, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như rau quả tăng 48%, thịt và các sản phẩm thịt tăng 44%, hạt điều tăng 32%, gạo tăng 23%, cao su tăng 10%, thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 17%. Trong khi đó, một số mặt hàng có kim ngạch giảm, nhiều nhất là sắn và các sản phẩm sắn giảm 26%, cà phê giảm 19%, gỗ giảm 16%, SP từ cao su giảm 6,6%. So với cùng kỳ, gạo là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất, tăng 65%, tiếp đến thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 52%, mây tre đan với 40%; mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm nhiều nhất là thịt và các sản phẩm thịt, giảm 99,5%, chè giảm 66%, hạt điều giảm 32% (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Ngày 24/9/2020, Cục Xúc tiến thương mại (XTTM – Bộ Công Thương) đã phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thượng Hải, Hiệp hội Rau quả Việt Nam và Hiệp hội Trái cây Thượng Hải tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến sản phẩm hoa quả Việt Nam – Trung Quốc (Thượng Hải) 2020. Tham gia sự kiện có 21 doanh nghiệp là những nhà cung cấp sản phẩm hoa quả của Việt Nam với gần 20 nhà nhập khẩu đến từ Thượng Hải – Trung Quốc.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, Ủy ban Y tế Quốc gia Trung Quốc (NHC) và Cơ quan Quản lý Thị trường (SAMR) đã thông báo các sửa đổi đối với Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia gửi tới Ủy ban SPS của WTO để lấy ý kiến là G / SPS / N / CHN / 1160. Đến nay thời hạn cho ý kiến đã qua nhưng Trung Quốc chưa công bố ngày dự kiến có hiệu lực của tiêu chuẩn. Dự thảo tiêu chuẩn áp dụng cho sữa bột, bao gồm sữa bột nguyên kem, sữa bột tách kem một phần, sữa tách kem bột và sữa bột công thức có một số thay đổi so với tiêu chuẩn hiện nay (Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia GB 19644-2010). Các nhà xuất khẩu nên làm việc với các nhà nhập khẩu và đối tác Trung Quốc để giám sát chặt chẽ tiêu chuẩn quy trình sửa đổi nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy định. Theo thông báo của Bộ Tài chính Trung Quốc, bắt đầu từ ngày 5/8, các mặt hàng nhập khẩu sau đây sẽ không còn được miễn trừ thuế VAT, gia vị, thịt, gia cầm, trứng, rau, thủy sản, trái cây, đồ uống, rượu và các sản phẩm từ sữa. Thuế suất VAT tiêu chuẩn ở Trung Quốc là 13%.

Việc vận chuyển giữa Thái Lan và Trung Quốc đã rút ngắn từ 6 ngày xuống 3 ngày, chỉ bao gồm vận chuyển từ đường cao tốc đến đường cao tốc và đường sắt. Tuyến vận tải mới không chỉ rút ngắn thời gian vận chuyển mà còn cung cấp giải pháp một cửa cho việc kiểm tra, thông quan và hậu cần. Đường sắt và đường cao tốc mới đã trở thành một kênh hậu cần quan trọng giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, 217 chuyến tàu đã được vận hành tại cảng Bình Tường- Quảng Châu gấp 5,2 lần so với cùng kỳ năm 2019. Trong số 217 chuyến tàu, 64 chuyến tàu chở trái cây nhập khẩu sang Trung Quốc với 10.500 tấn và trị giá 17 triệu USD.

Thời gian qua, Trung Quốc buộc phải tăng cường nhập khẩu thịt heo từ các nước do ngành chăn nuôi nước này chịu thiệt hại lớn từ dịch tả lợn châu Phi với tổng lượng đàn giảm còn một nửa. Quốc gia tiêu thụ thịt heo lớn nhất thế giới đang đặt mục tiêu dài hạn là tự chủ hoàn toàn nguồn cung trong nước với các trang trại lớn. Trong ngắn hạn, Trung Quốc hướng tới mục tiêu tự chủ 95% nguồn cung thịt heo. Quốc gia này cũng đang mở rộng việc khâu thức ăn chăn nuôi như đậu nành và các loại ngũ cốc cần thiết khác phục vụ cho việc tăng đàn. Số lượng đàn nhỏ lẻ (dưới 500 con) đang chiếm tỉ trọng khá lớn. Tuy nhiên, Trung Quốc đặt mục tiêu đến năm 2025, 70% số đàn đều ở quy mô lớn. Sang năm 2030, con số này tăng lên 85%. Ngoài ra, theo kế hoạch Trung Quốc dự định cung ứng đủ 85% nhu cầu thịt bò, cừu và 70% nhu cầu sữa. Các lò mổ lớn được nâng cấp hiện đại đồng thời đóng cửa các lò mổ nhỏ. Các lò mổ được xây dựng gần trang trại để rút ngắn khoảng cách vận chuyển, tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Theo Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc, tổng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu của Trung Quốc đối với ngô vào năm 2021 sẽ là 7,2 triệu tấn và lúa mì là 9,636 triệu tấn. Tổng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ngũ cốc năm 2021 là: lúa mì (bao gồm cả bột và ngũ cốc, sau đây gọi là lúa mì) là 9,636 triệu tấn, (90% là hạn ngạch thương mại quốc doanh), trong đó riêng ngô là 7,2 triệu tấn. Việc thu mua ngũ cốc vụ hè năm nay tại Trung Quốc đang tiến triển thuận lợi và việc thu mua sắp hoàn thành; diện tích ngũ cốc vụ thu đang phát triển ổn định và tình hình hiện nay nói chung là bình thường. Nếu thời gian sau không xảy ra thiên tai lớn thì năm nay vẫn là một năm bội thu đối với Trung Quốc. Theo báo cáo, sản lượng ngũ cốc vụ hè năm nay là 143 triệu tấn, tăng 1,21 triệu tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng lúa mì là 132 triệu tấn, tăng 760.000 tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng gạo indica sớm là 27,29 triệu tấn, tăng 1,03 triệu tấn so với cùng kỳ năm ngoái, chấm dứt tình trạng sụt giảm sản lượng liên tục trong 7 năm. Mặc dù các tỉnh sản xuất chính như Giang Tây và Hồ Nam bị lũ lụt trong thời gian sinh trưởng của lúa indica sớm trong năm nay, năng suất lúa indica sớm bị ảnh hưởng lớn, nhưng việc tăng diện tích gieo trồng đã bù đắp cho phần thiệt hại do giảm năng suất và tăng tổng sản lượng. Theo Trung tâm Thông tin Ngũ cốc và Dầu Quốc gia, tình hình cung vượt cầu hiện nay trên thị trường ngũ cốc của

Trung Quốc không thay đổi. Theo dự báo, ba loại ngũ cốc chính của Trung Quốc sẽ vẫn vượt nhu cầu trong năm 2020/21. Trong đó, sản lượng lúa mì vượt nhu cầu khoảng 14 triệu tấn, sản lượng lúa khoảng 17 triệu tấn. Các kho dự trữ lúa mì và gạo của Trung Quốc hiện đang trong thời kỳ dồi dào nhất trong lịch sử, nguồn cung cấp lương thực đã đạt được sự an toàn tuyệt đối.

Sản lượng thức ăn cho lợn tại Trung Quốc tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu do năm ngoái sản lượng sản xuất thấp), sản lượng lợn hơi hiện tại tiếp tục phục hồi, đàn lợn nái sinh sản chiếm tỷ trọng tương đối cao và giá nguyên liệu tăng cao đã thúc đẩy người chăn nuôi sử dụng thức ăn thương phẩm nhiều hơn. Thức ăn gia cầm và thủy sản giảm so với năm ngoái, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng cuối cùng chưa phục hồi hoàn toàn và người chăn nuôi đã điều chỉnh chiến lược sản xuất và kinh doanh.

Trong tháng 8 giá thức ăn chăn nuôi nhìn chung đã tăng từ 4,4-7% so với cùng kỳ năm ngoái do giá ngô, cám tăng cao. Ngoài ra, chính sách cấm bổ sung kháng sinh vào thức ăn chăn nuôi có hiệu lực từ ngày 1/7 cũng khiến chi phí thức ăn chăn nuôi tăng. Áp lực nhập khẩu đậu tương khó khăn gây áp lực lớn lên các công ty thức ăn chăn nuôi, công ty chăn nuôi lợn và thậm chí toàn bộ thị trường chăn nuôi. Sự cạnh tranh thị trường trong ngành thức ăn chăn nuôi của Trung Quốc ngày càng trở nên gay gắt, mô hình kinh doanh phi tập trung và khu vực hóa của các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi nhỏ đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các công ty chế biến thức ăn chăn nuôi quy mô lớn đã chứng tỏ lợi thế rõ ràng hơn trong việc kiểm soát chi phí mua hàng, kiểm soát chất lượng và xây dựng hệ thống thương hiệu. Tốc độ tăng trưởng đăng ký hàng năm của các công ty liên quan đến thức ăn chăn nuôi ở Trung Quốc đã ổn định ở mức khoảng 8% trong mười năm qua. Năm 2019, có tổng cộng 118.000 doanh nghiệp đăng ký mới, con số lớn nhất trong những năm qua.

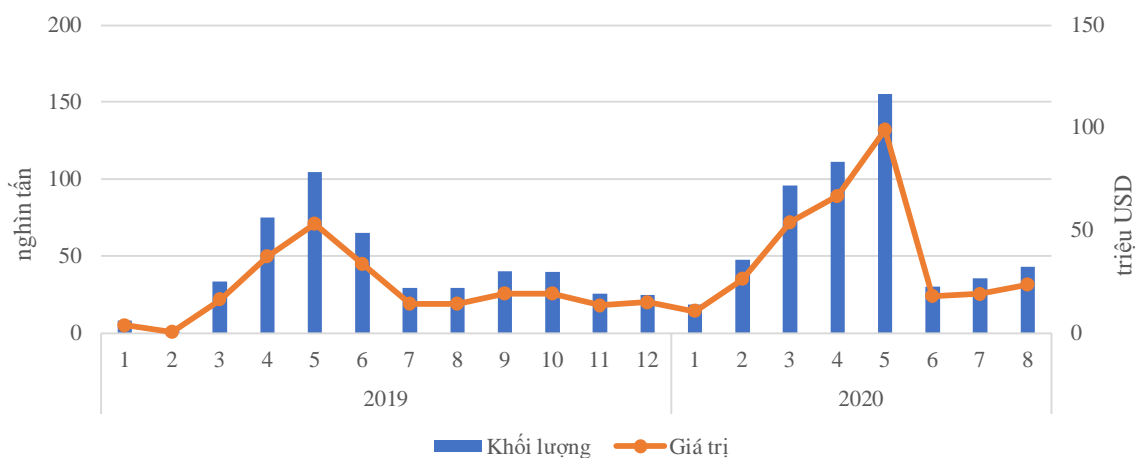
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2020 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 146,7 triệu tấn, giảm 1,76 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc ước đạt 2,3 triệu tấn, giảm 500 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu được 43,0 nghìn tấn gạo, trị giá 23,6 triệu USD sang Trung Quốc, tăng 21,2% về khối lượng và 23,6% về giá trị so với tháng 7/2020 và tăng 46,6% về khối lượng và 64,8% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 536,2 nghìn tấn, trị giá 316,9 triệu USD, tăng 54,3% về khối lượng và 82,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc

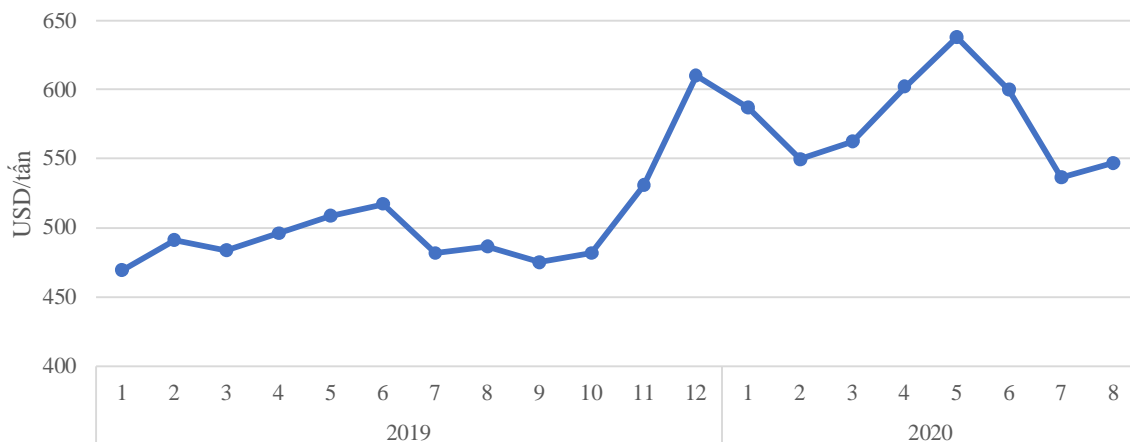


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 41,8 nghìn tấn, trị giá 22,8 triệu USD (chiếm 97,7% về khối lượng và 97,3% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã tăng 812,1% về khối lượng và 837,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2020 đạt 547,0 USD/tấn, tăng 2,0% so với tháng 7/2020 và 12,4% so với cùng kỳ năm 2019.

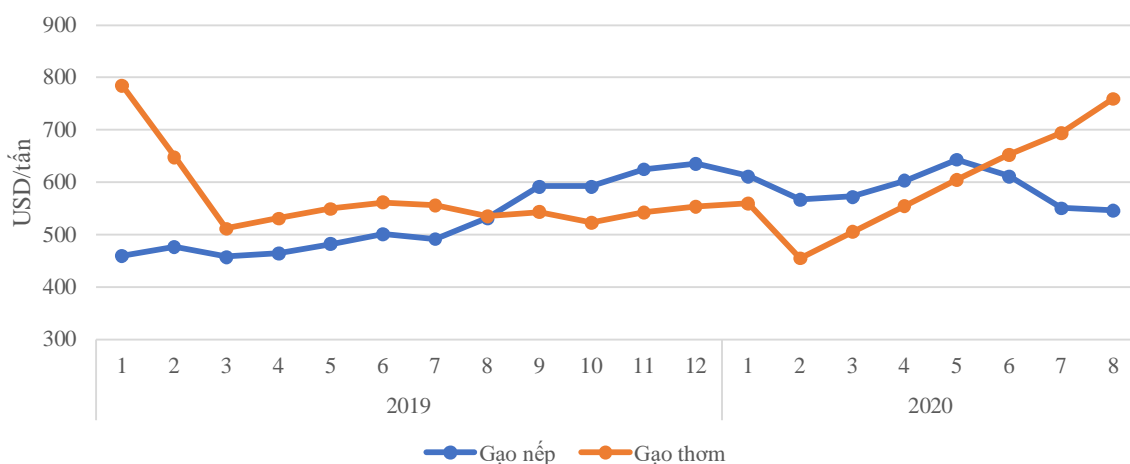
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc có xu hướng tăng trưởng trái chiều trong tháng. Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 8/2020 đạt trung bình 546,5 USD/tấn, giảm 0,8% so với tháng 7/2020, nhưng tăng 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 760,0 USD/tấn, tăng 9,5% so với tháng 6/2020 và 42,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc



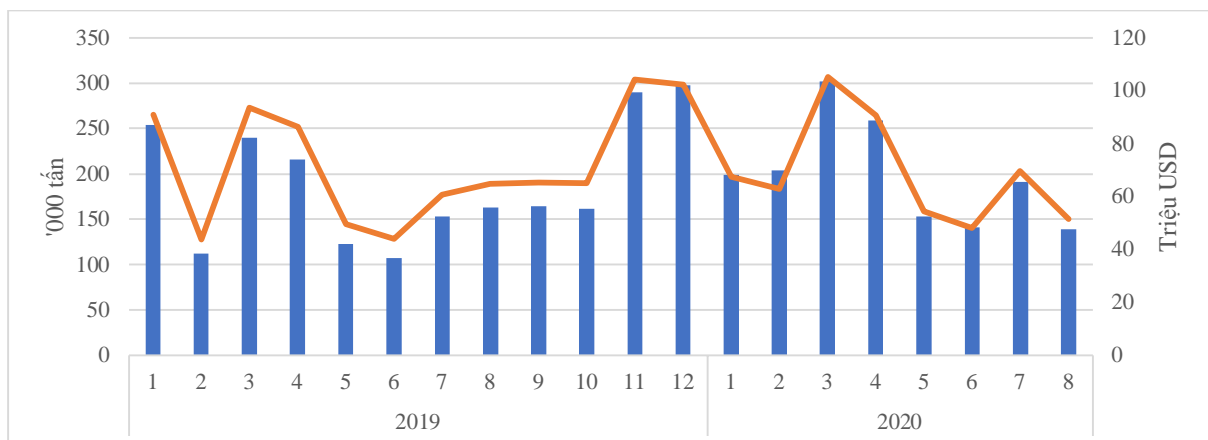
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Tân Đồng Tiến, Tổng Công ty Lương thực miền Nam, và Công ty TNHH Dương Vũ. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 25,5%, 24,3%, và 17,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 8/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty CP Tân Đồng Tiến không xuất khẩu trong tháng 8/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 8/2020, Tổng Công ty Lương thực miền Nam tăng 2613,9%, và Công ty TNHH Dương Vũ tăng 59,2%.

2. SẢN

Theo Hiệp hội Sản Việt Nam, nguồn sản lát tồn kho vụ 2019-2020 của Việt Nam gần như cạn kiệt trong bối cảnh tình trạng cây sản bị nhiễm bệnh khảm lá đang diễn ra trên diện rộng và ngày càng nghiêm trọng hơn. Mặc dù hầu hết các nhà máy chế biến sản tại Việt Nam đã chạy máy vụ sản xuất 2020-2021, tuy nhiên sản lượng của các nhà máy vẫn rất hạn chế. Trong tháng 8 năm 2020, xuất khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam sang Trung Quốc suy giảm cả về giá trị và sản lượng. Lượng xuất khẩu chỉ đạt 138,5 nghìn tấn tương đương với giá trị đạt 51,4 triệu USD, giảm 26% về lượng và 28% về giá trị so với tháng 6 năm 2020. Mặc dù giá trị xuất khẩu giảm, tuy nhiên giá xuất khẩu bình quân trong tháng 8 lại tiếp tục tăng ở mức 371 USD/tấn, tăng 2% so với tháng 6 năm 2020. Nguồn cung yếu đã đẩy giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc lên mức cao nhất trong năm nay.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về sản phẩm sản lát: Xuất khẩu sản lát của Việt Nam tiếp tục sụt giảm trong tháng 8 năm 2020, chỉ đạt 23,7 nghìn tấn tương đương 5,2 triệu USD, giảm 13% về lượng và 11% về giá trị so với tháng 7 năm 2020. Đây là mức xuất khẩu thấp nhất kể từ cuối năm 2019 đến nay. Giá xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc bình quân tháng 8 đạt 219 USD/tấn tăng 2% so với tháng 7 năm 2020, nhưng giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi mặt hàng sản lát Việt Nam đang bị đe dọa về năng suất cũng như nguồn giống cho vụ 2020-2021 vì bệnh khảm lá sản thì Thái Lan lại đưa ra dự báo về mức tăng sản lượng khá tốt trong niên vụ này. Theo Văn phòng Kinh tế Nông nghiệp Thái Lan thì tổng sản lượng ước tính đạt 29,9 triệu tấn, tăng 4,83% so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, với nguồn cung hạn chế từ Việt Nam, hiện tại các nhà máy Trung Quốc chủ yếu tập trung mua hàng sản lát của Thái Lan với giá khá cao.

Về sản phẩm tinh bột sắn: Cùng với đà giảm của sắn lát, xuất khẩu tinh bột sắn sang Trung Quốc tháng 8 năm 2020 cũng suy giảm do nguồn cung yếu và nhu cầu của Trung Quốc không cao. Lượng xuất khẩu ghi nhận ở mức 114,7 nghìn tấn, với giá trị 46,2 triệu USD, giảm 30% về lượng và 28% về giá trị so với tháng 7 năm 2020. Giá xuất khẩu tinh bột sắn tăng lên cao nhất trong năm 2020 đạt 403 USD/tấn do giá nguyên liệu đầu vào tăng và tồn kho nhà máy đạt cạn kiệt

3. RAU QUẢ

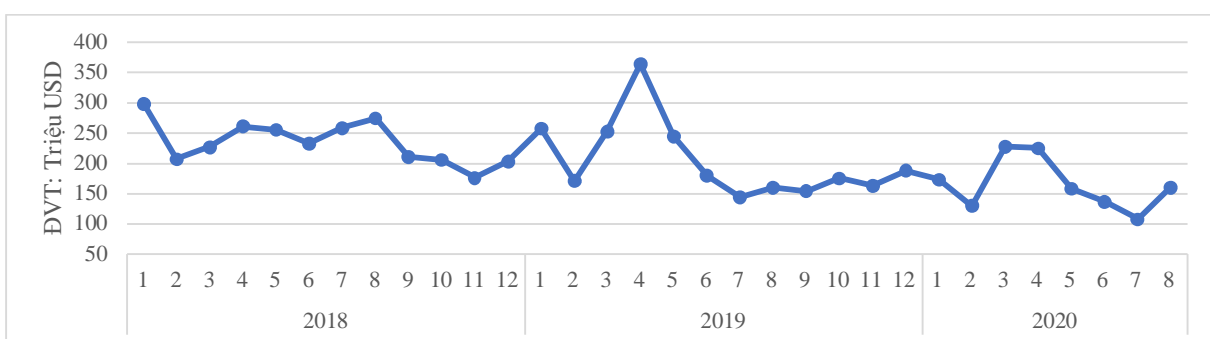
Nhu cầu gừng và hành Trung Quốc ở thị trường nước ngoài đã tăng mạnh, hầu hết các nhà xuất khẩu của Trung Quốc đều bị thiếu hụt nguồn cung, bởi lượng dự trữ thấp do sản lượng giảm mạnh trong mùa vụ trước. Nguồn cung thiếu hụt khiến giá liên tục tăng lên. Kỳ vọng giá trong thời gian tới sẽ giảm do vụ mùa mới sẽ được thu hoạch vào giữa đến cuối tháng 10, diện tích sản xuất năm nay tăng và sản lượng dự kiến tăng đáng kể so với năm ngoái.

Thị trường trái cây Trung Quốc đang chuẩn bị cho lễ hội Kéo Quốc khánh và Tết trung thu vào ngày 1/10 năm nay, do đó nhu cầu đối với trái cây nói chung và bưởi mật nói riêng tăng mạnh. Giá bưởi mật của Trung Quốc duy trì ổn định từ đầu vụ thu hoạch, chỉ gần đây mới bắt đầu tăng nhẹ do ảnh hưởng của lễ hội truyền thống này.

Ngày 24/9, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) đã phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thượng Hải, Hiệp hội Rau quả Việt Nam và Hiệp hội Trái cây Thượng Hải tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến sản phẩm hoa quả Việt Nam – Trung Quốc (Thượng Hải) 2020. Thương mại giữa Việt Nam với thành phố Thượng Hải vẫn còn nhiều dư địa bỏ ngỏ, đặc biệt là thương mại các sản phẩm trái cây được ươm trồng và chế biến tại Việt Nam. Hai nước đều có hệ thống vận chuyển đường bộ, đường sắt, hàng không và đường biển rất thuận tiện, dịch vụ logistics nhanh chóng, tạo thuận lợi cho giao thương của doanh nghiệp hai nước.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 8 năm 2020 đạt 160,7 triệu USD, chiếm 58,2% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 48,7% so với tháng trước (đạt 108,1 triệu USD) và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 159,9 triệu USD). Giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1,3 tỷ USD, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 1,8 tỷ USD).

Hình 5: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

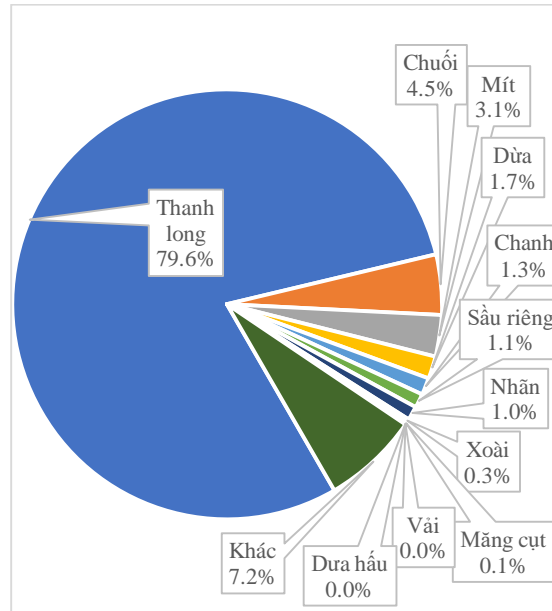


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 8 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 147,9 triệu USD (chiếm 92% thị phần, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2019) và rau quả chế biến đạt gần 12,9 triệu USD (chiếm 8%, giảm 3,8%). So sánh với cùng kỳ năm 2019, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 9,3 triệu USD, tăng 0,7%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,1 triệu USD, giảm 13%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 0,2 triệu USD, tăng 223,9%.

Trong tháng 8 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 127,9 triệu USD (chiếm 79,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2019); chuối đạt 7,3 triệu USD (chiếm 4,5%, giảm 26%); mít đạt 5 triệu USD (chiếm 3,1%, tăng 196%); dứa đạt 2,7 triệu USD (chiếm 1,7%, giảm 21%); chanh đạt 2,1 triệu USD (chiếm 1,3%, giảm 40%); sầu riêng đạt 1,7 triệu USD (chiếm 1,1%, giảm 33%); nhãn đạt 1,7 triệu USD (chiếm 1%, giảm 7%); xoài đạt 450,2 nghìn USD (chiếm 0,3%, giảm 21%); măng cụt đạt 152,6 triệu USD (chiếm 0,1%, giảm 60%);

Hình 6: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 8 năm 2020 đạt 30 triệu USD, chiếm 29,3% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 38 triệu USD). Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 205 triệu USD, giảm 33,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 310 triệu USD). Trong tháng 8/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là tỏi đạt 4,5 triệu USD (chiếm 14,9%, giảm 32,3% so với cùng kỳ năm trước); nấm các loại đạt 3,7 triệu USD (chiếm 12,5%, giảm 70,6%); hành các loại đạt 2,8 triệu USD (chiếm 9,4%, tăng 20,3%); khoai tây đạt 2,6 triệu USD (chiếm 8,8%, tăng 1,5%); cà rốt đạt 2,2 triệu USD (chiếm 7,4%, tăng 4,8%); táo đạt 2 triệu USD (chiếm 6,7%, tăng 144,9%); ...

Trong tháng 8/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty Cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Giang, Công ty TNHH Export H&T và Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn với giá trị xuất khẩu lần lượt là 6 triệu USD (chiếm 3,7%); 4,8 triệu USD (chiếm 3%); 4,3 triệu USD (chiếm 2,7%). So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Giang cao gấp 27 lần, Công ty Cổ

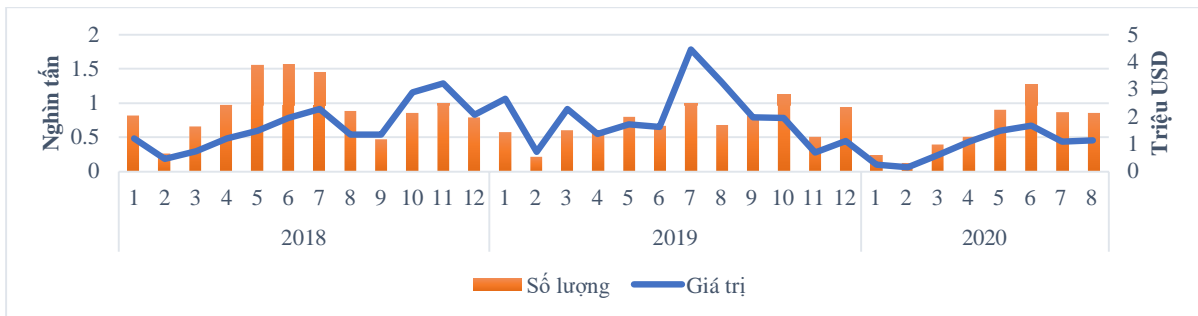
phần Thực phẩm Dân Ôn tăng 211,5% và Công ty TNHH Export H&T không xuất khẩu trong tháng 8/2019, nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu được trong 8/2020.

4. CHÈ

Trong thời gian đại dịch, nhập khẩu chè của Trung Quốc giảm không chỉ từ thị trường Việt Nam mà từ cả các nước xuất khẩu trà chính vào Trung Quốc như Sri Lanka và Ấn Độ. Trong 6 tháng đầu năm 2020, lượng chè nhập khẩu của Trung Quốc từ hai nước này đã giảm đáng kể với 5.328 tấn từ Sri Lanka và 4.122 tấn từ Ấn Độ, giảm lần lượt 19,1% và 19% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong xu hướng giảm nhập khẩu chung của thị trường Trung Quốc, xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường này cũng giảm mạnh. Tổng 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu chè sang Trung Quốc chỉ đạt 5,1 nghìn tấn, tương đương 7,4 triệu USD, giảm 10,6% về khối lượng và giảm 61,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

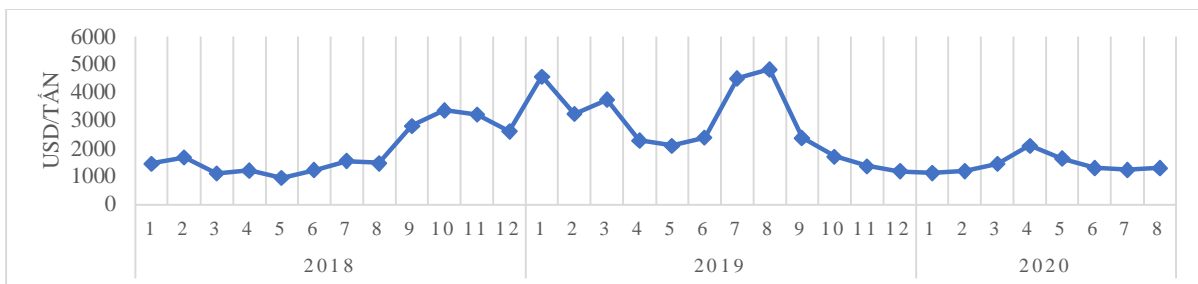
Hình 7: Xuất khẩu chè của Việt Nam sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ngoài giảm về lượng, giá trung bình xuất khẩu chè sang thị Trung Quốc tiếp tục giảm trong tháng 8/2020. Cụ thể, giá xuất khẩu chè bình quân sang thị trường này trong tháng 8/2020 chỉ đạt 1.441 USD/tấn, giảm từ mức 1.622 USD/tấn trong tháng 6/2020.

Hình 8: Giá xuất khẩu chè bình quân của Việt Nam sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

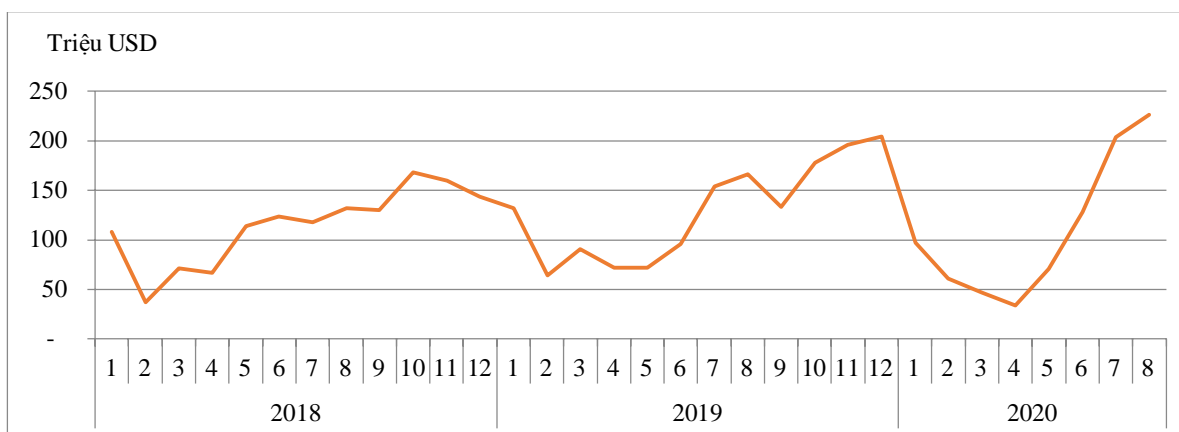
Với tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, các hoạt động kinh tế dần được khôi phục, xuất khẩu chè sang Trung Quốc dự kiến sẽ có triển vọng tốt hơn trong thời gian tới.

5. CAO SU

Hoạt động sản xuất tại Trung Quốc trong tháng 8/2020 tăng mạnh nhất trong gần 1 thập kỷ, khi các nhà máy thúc đẩy sản xuất để đáp ứng nhu cầu hồi phục sau đại dịch Covid-19. Các đơn hàng xuất khẩu mới tăng lần đầu tiên trong năm nay. Doanh số bán ô tô của Trung Quốc trong tháng 7/2020 tăng 16,4% so với tháng 7/2019, tháng tăng thứ 4 liên tiếp khi thị trường ô tô lớn nhất thế giới chịu ảnh hưởng bởi các hạn chế từ dịch bệnh. Đây là yếu tố cơ bản thúc đẩy xuất khẩu cao su Việt Nam sang Trung Quốc.

Tháng 8 là tháng thứ tư liên tiếp xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc hồi phục. Ước tính, trong tháng 8/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 184,66 nghìn tấn, trị giá 225,85 triệu USD, tăng 47,04% về lượng và tăng 35,95% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nếu so với tháng 7/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc tăng 8,81% về lượng và 10,94% về giá trị.

Hình 9: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang Trung Quốc



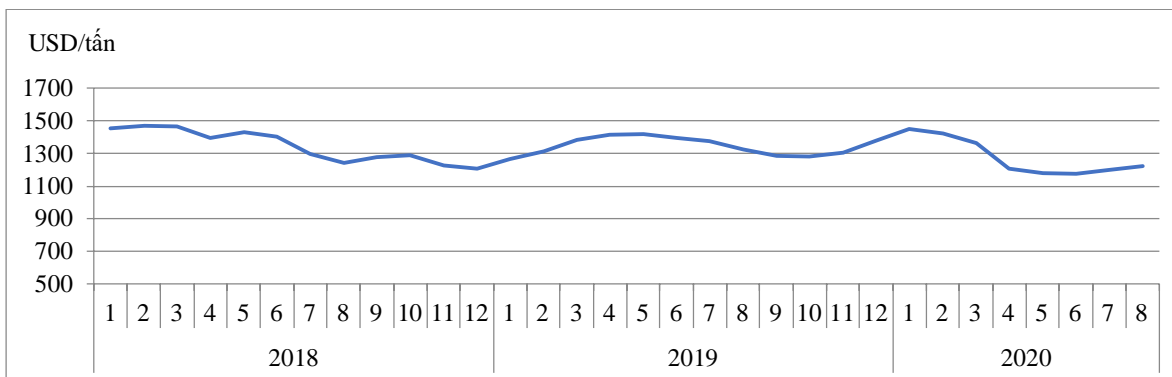
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các nhà máy sản xuất cao su Trung Quốc đã khôi phục hoạt động, nhu cầu dần tăng lên. Trong khi đó, nguồn cung từ nước sản xuất hàng đầu - Thái Lan đang thắt chặt bởi thiếu hụt lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19, đã thúc đẩy xuất khẩu cao su Việt Nam sang Trung Quốc tăng khá mạnh trong 04 tháng gần đây. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 694,13 nghìn tấn, trị giá 865,04 triệu USD, tăng 10,91% về lượng và 2,28% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Thông tin tích cực từ thỏa thuận thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc sau nhiều tuần căng thẳng và nhu cầu cao su thế giới tháng 9/2020 được dự báo tiếp tục tăng là nguyên nhân khiến giá cao su tại các sàn đồng loạt tăng. Ước tính, giá cao su xuất khẩu của Việt

Nam sang Trung Quốc trong tháng 8/2020 bình quân khoảng 1.223 USD/tấn, tăng 1,96% so với tháng 7/2020 nhưng vẫn thấp hơn 7,54% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) – tổ chức gồm 13 quốc gia sản xuất cao su quan trọng – trong báo cáo tháng 9/2020 cho biết, nhu cầu cao su toàn cầu có khả năng hồi phục trong quý III/2020 sau khi giảm sâu ở quý trước đó. Cụ thể, ANRPC dự báo nhu cầu cao thế giới quý III/2020 chỉ còn giảm 2,9%, sau khi giảm 14% trong 7 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (giảm 15% trong quý I/2020 do Trung Quốc, và giảm 15,8% trong quý II do nhu cầu của các nước khác ngoài Trung Quốc cũng giảm sút). Cơ sở để ANRPC lạc quan về triển vọng nhu cầu trong quý III/2020 là nền kinh tế Mỹ hồi phục nhanh, sản xuất của Trung Quốc tiếp tục hồi phục, và tiêu thụ ô tô ở cả Trung Quốc và Ấn Độ đều phục hồi.

ANRPC dự báo sản lượng cao su tự nhiên thế giới có thể giảm 4,7% trong năm 2020 xuống còn 13,1 triệu tấn do đại dịch làm giảm mạnh nhu cầu và đẩy ngành cao su vào tình trạng khủng hoảng. Hồi đầu năm, ANRPC dự báo sản lượng cao su và tiêu dùng cao su toàn cầu tăng lần lượt 3,8% và 2,7%. Nhưng dự báo tiêu dùng cao su toàn cầu hiện đảo chiều, có thể giảm 6% xuống còn 12,9 triệu tấn. Trong đó, tháng 9/2020 dự kiến đạt 1,157 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với Trung Quốc, thị trường tiêu dùng cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, ANRPC dự báo nhập khẩu cao su tự nhiên của Trung Quốc có thể giảm 5,1% so với năm 2019 xuống còn 4,8 triệu tấn. Tuy nhiên, nhập khẩu từ các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam có thể sẽ tăng lên trong quý III/2020 để đáp ứng nhu cầu nội địa.

Theo Tổng thư ký của ANRPC “Diễn biến thị trường trong ngắn hạn và trung hạn phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi kinh tế toàn cầu và sự hồi sinh của ngành công nghiệp ô tô và vận tải”. Thị trường cao su sẽ chịu tác động lớn từ việc vắc-xin chống Covid-19 khi nào sẽ có, và hiệu quả sẽ như thế nào. Nhu cầu gắng tay y tế tiếp tục gia tăng do đại dịch Covid-

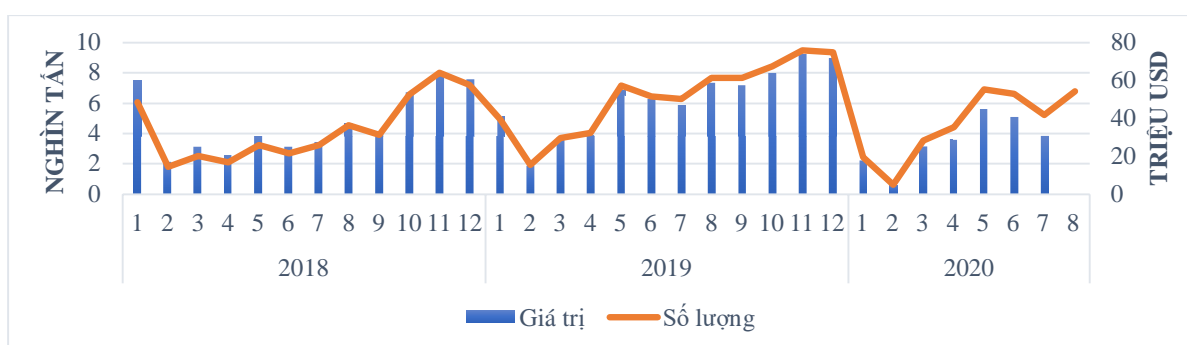
19 thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su trên toàn cầu tăng. Bên cạnh đó, các nhà máy tại Trung Quốc khôi phục sản xuất cũng tạo tâm lý lạc quan cho thị trường cao su. Triển vọng giá cao su thiên nhiên đang sáng dần lên, do dự báo nhu cầu găng tay cao su sẽ còn tăng tiếp trong khi nguồn cung cao su trên thế giới hạn hẹp.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 8/2020, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tăng mạnh. Giá cao su tăng mạnh do thị trường lo ngại tình trạng thiếu nhân lực khai thác mủ cao su sẽ dẫn đến tình trạng thiếu nguồn cung; thông tin tích cực từ thỏa thuận thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sau nhiều tuần căng thẳng. Trước những diễn biến tích cực từ thị trường, đặc biệt là dự báo về nhu cầu cao su thế giới tháng 9/2020 tiếp tục tăng sẽ thúc đẩy giá cao su thiên nhiên thế giới tăng lên, trong đó có giá cao su của Việt Nam xuất sang Trung Quốc.

6. HẠT ĐIỀU

Trong tháng 8 năm 2020 xuất khẩu điều nhân sang thị trường Trung Quốc có những chuyển biến tích cực, đạt 6,77 nghìn tấn với giá trị 40,4 triệu USD, tăng đáng kể so với tháng 7 năm 2020 (tăng 29% về lượng và 32,6% về giá trị). Tuy vậy, tính chung 8 tháng đầu năm 2020, tổng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2019, chỉ đạt 36,5 nghìn tấn, tương đương 231,1 triệu USD, giảm 13,35% về lượng và giảm 29,2% về giá trị.

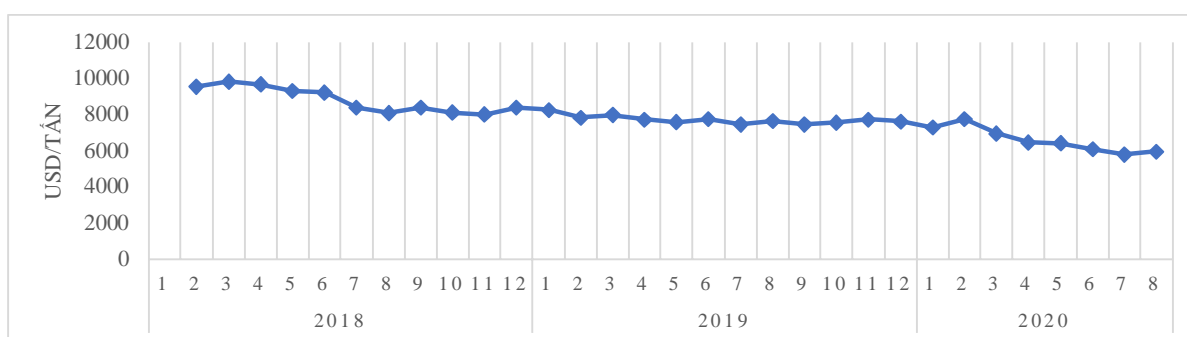
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hiện tại, theo chất lượng và nguồn gốc điều thô, với mã W180 các nhà nhập khẩu mua với giá giao động từ 8500 – 9000 USD/tấn, W210 từ 8000 – 8500 USD/tấn, W240 từ 7500 – 8000 USD/tấn, còn mã W320 từ 6900 – 7500 USD/tấn. Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường này trong tháng 8/2020 đạt 5.972 USD/tấn, tăng 2,7% so với tháng 07/2020, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang Trung Quốc đã giảm 1.190/tấn (tương đương 15,3%) so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nhu cầu của thị trường Trung Quốc đang tăng, chủ yếu tăng ở mặt hàng điều nhân vỏ lụa rang, nhưng lượng chào bán ít do phía các nhà nhập khẩu có yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng, trong khi nguồn hàng phù hợp với tiêu chuẩn của họ ở Việt Nam không còn nhiều. Bên cạnh đó, Việt Nam đang thiếu hụt điều nhân cục bộ do giá điều thô cao, giá điều nhân tăng nhưng không đủ bù đắp chi phí mua điều thô để sản xuất.

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang Trung Quốc sang quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc, vì vào những tháng cuối năm Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ tết. Giá điều nhân dự báo cũng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới theo luật cung cầu trên thị trường, vì trong thời gian qua nhiều cơ sở chế biến điều quy mô nhỏ và vừa ở cả Việt Nam và Ấn Độ giảm công suất, ngưng hoạt động lại làm cho lượng hàng cung ứng ra thị trường giảm.

Tuy vậy, để tận dụng được cơ hội thị trường cuối năm các doanh nghiệp trong nước cần phải chuyển đổi, xuất khẩu theo con đường chính ngạch qua cửa khẩu quốc tế (do từ khi có dịch Covid-19 Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp “đóng cửa” phòng chống dịch, khiến việc trao đổi hàng hóa mậu biên giữa hai nước ngưng trệ). Ngoài ra thị trường Trung Quốc ngày càng yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, truy xuất nguồn gốc. Do vậy, nông dân sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu cần phải quan tâm chế biến sâu, bảo quản tốt để đáp ứng yêu cầu trên.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Quy mô chăn nuôi lợn tại Trung Quốc đang phục hồi được cho là sẽ mang lại lợi ích cho các nhà sản xuất TACN và công ty phụ gia TACN. Tuy nhiên, theo báo cáo gần đây của Fitch Ratings, lợi nhuận của khối này khá hạn chế. Hãng xếp hạng tín dụng trong phân tích ngành chăn nuôi lợn Trung Quốc gần đây cho biết giá ngô tăng có thể kéo tăng chi phí nguyên liệu thô, làm giảm lợi nhuận biên của các nhà sản xuất TACN, đồng thời cho hay các nhà chăn nuôi giàu kinh nghiệm cũng có thể phát triển công thức TACN riêng và điều chỉnh các tỷ trọng thành phần trong giai đoạn giá thị trường TACN biến động mạnh.

Báo cáo Fitch Ratings cho rằng ngành chăn nuôi lợn Trung Quốc đang tiến tới sự hợp nhất mạnh mẽ hơn. Các nhà chăn nuôi dẫn đầu đang tăng đầu tư để bổ sung công suất. Báo cáo của Fitch cho biết những nhà sản xuất như Wens Foodstuff Group (BBB+/Ổn định) ghi nhận tỷ lệ thâm dụng vốn lên tới 30% trong nửa đầu năm 2020, so với mức 17% trong năm 2019, đồng thời các nhà chăn nuôi thuộc top 5, bao gồm Wens và Muyuan Foods, ghi nhận chi tiêu vốn tổng hợp ở mức 7,17 tỷ USD so với mức 6,14 tỷ USD trong năm 2019. Fitch cho rằng động thái mở rộng quyết liệt của các công ty chăn nuôi hàng đầu nhằm tăng thị phần từ mức chỉ 8,7% trên thị trường thịt lợn Trung Quốc.

Trong khi đó, theo dữ liệu công bố từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu thịt của Trung Quốc tháng 8/2020 đạt 832.000 tấn, giảm 17% so với tháng 7, mặc dù nhập khẩu thịt vẫn ở mức cao khi chính phủ nước này tiếp tục nỗ lực bù đắp thiếu hụt nguồn cung thịt lợn nội địa. Trong tháng 7/2020, nhập khẩu thịt đạt 998.000 tấn nhưng lượng nhập khẩu được cho là sẽ chậm dần lại do các nhà xuất khẩu ngừng giao hàng từ các nhà máy có công nhân bị nhiễm COVID-19.

Trung Quốc cũng đang triển khai các giải pháp bổ sung để kiểm tra virus corona đối với các lô hàng thông quan nên làm chậm hoạt động thông quan tại một số cảng. Kim ngạch nhập khẩu tháng 8 là mức thấp nhất kể từ tháng 5 – khi Trung Quốc nhập khẩu tới 816.000 tấn. Trong 8 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu thịt của Trung Quốc tăng tới 73% so với cùng kỳ năm 2019 lên 6,58 triệu tấn, theo số liệu chính thức của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Cơ quan này chỉ mới bắt đầu công bố dữ liệu theo tháng đối với tổng kim ngạch tất cả các loại thịt trong năm nay.

Theo thông báo từ Trung tâm Quản lý Dự trữ Hàng hóa Trung Quốc, nước này sẽ đấu giá 20.000 tấn thịt lợn đông lạnh từ kho chính phủ vào ngày 25/9. Bên cạnh đó, nước này cũng sẽ thu mua 7.700 tấn thịt bò và thịt cừu vào ngày 24/9. Hoạt động này diễn ra sau vài tháng đều đặn xả bán thịt từ các kho này nhằm bình ổn giá thịt lợn. Từ đầu năm đến nay, Trung Quốc đã bán ra khoảng 570.000 tấn thịt lợn đông lạnh để hạ nhiệt giá thịt lợn nội địa

sau khi dịch tả lợn bùng phát, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành chăn nuôi lợn của nước này.

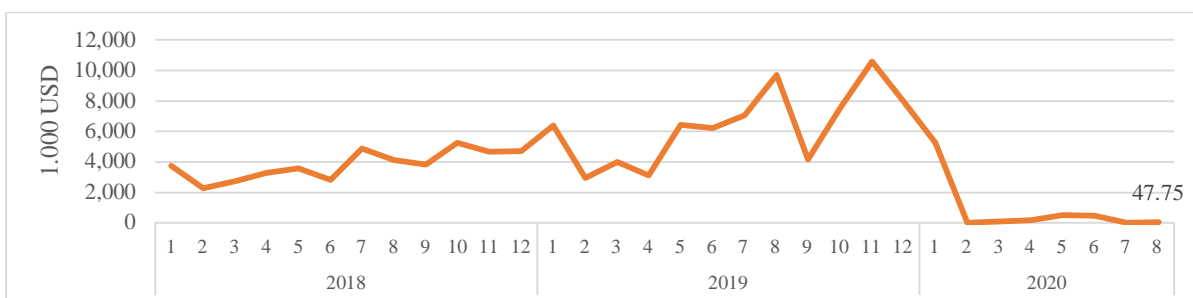
Trong báo cáo ngành thịt lợn quý 3/2020, Rabobank nhấn mạnh rằng giá thịt lợn tại Trung Quốc tiếp tục tăng, với giá lợn sống tăng từ 3,36 USD/kg trong tháng 5 lên 5,47 USD/kg trong tháng 6. Diễn biến này kéo theo giá lợn con cũng đang tăng. Rabobank cho biết suy giảm tiêu dùng giúp giảm bớt căng thẳng vấn đề nguồn cung thịt lợn trong nửa đầu năm 2020, “nếu tiêu dùng dần phục hồi trong nửa cuối năm, chúng tôi cho rằng áp lực tăng giá sẽ ngày càng nhanh. Do đó, giá thịt lợn được cho là sẽ duy trì ở mức cao trong suốt cả năm 2020”. Bất chấp phục hồi chăn nuôi, sản lượng thịt lợn Trung Quốc có thể giảm 15 – 20% trong năm 2020.

Từ ngày 11/9, Trung Quốc đã ngừng nhập khẩu thịt lợn từ Đức và sẽ tiêu hủy một phần lượng thịt lợn còn lại bởi lo lắng về khả năng có một loạt bệnh có thể giết chết các con lợn. Quy định được áp dụng với cả việc mua thịt lợn trực tiếp và gián tiếp các sản phẩm thịt lợn nhập khẩu từ Đức. Trước đó, Đức là nhà cung cấp thịt lợn lớn thứ ba cho Trung Quốc, nhưng vào trung tuần tháng 9 vừa qua, Đức đã báo cáo trường hợp đầu tiên của họ về bệnh dịch tả lợn châu Phi (ASF).

Tại Việt Nam, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2020 chỉ đạt 47,75 nghìn USD, chiếm 0,6% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng 8 của Việt Nam, tăng 44,4,5% so với tháng trước và giảm 99,5% so với cùng kỳ năm 2019 (9,73 triệu USD). Giá trị xuất khẩu sang thị trường này 8 tháng đầu năm 2020 đạt 6,59 triệu USD, giảm 85,6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 45,8 triệu USD).

Trong tháng 8/2020, các thịt và các sản phẩm từ thịt Việt Nam xuất sang Trung Quốc chỉ gồm 2 nhóm: (i) thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến gồm các sản phẩm như chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà..., đạt 33,8 nghìn USD, chiếm 71,1% tổng lượng xuất khẩu thịt sang thị trường Trung Quốc, giảm 97,8% so với cùng kỳ năm 2019; và (ii) thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh, đạt 13,8 nghìn USD (chiếm 28,9%, giảm 99,6% so với cùng kỳ năm 2019).

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt trong tháng 8/2020 của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 610,8 nghìn USD, tăng 97,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 4,3 triệu USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 8 năm 2020, chỉ có doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu thịt sang thị trường Trung Quốc là Công Ty TNHH Chế Biến Và Xuất Khẩu Thủy Sản Quảng Ninh (33,75 nghìn USD, chiếm 70,7%) và Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu - Thương Mại Quân Minh (14 nghìn USD, chiếm 30,3%).

8. THỦY SẢN

Theo thông báo từ Hội đồng Nhà nước Trung Quốc ngày 14/9, nước này sẽ gia hạn miễn thuế tôm giống và bột cá nhập khẩu từ Mỹ thêm 1 năm. Ủy ban Thuế và Hải quan cho biết chính sách miễn thuế này áp dụng đối với khoản thuế bổ sung 25% sau khi chính sách tương tự hết hạn vào ngày 16/9. Thông báo này đưa ra sau quyết định của Mỹ về gia hạn miễn thuế đối với nhập khẩu một số sản phẩm thủy sản Trung Quốc. Tôm giống và bột cá Mỹ được cho là những đầu vào quan trọng cho ngành nuôi trồng thủy sản của nước này.

Thị trường thủy sản quý IV tại thị trường Trung Quốc có xu hướng tăng trở lại khi nước này đang kiểm soát tốt dịch Covid 19 và các chợ thủy sản ở quốc gia này đã mở cửa trở lại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể, chính quyền thành phố Bắc Kinh đã thông báo mở cửa trở lại theo từng giai đoạn đối với chợ thủy sản Xinfadi.

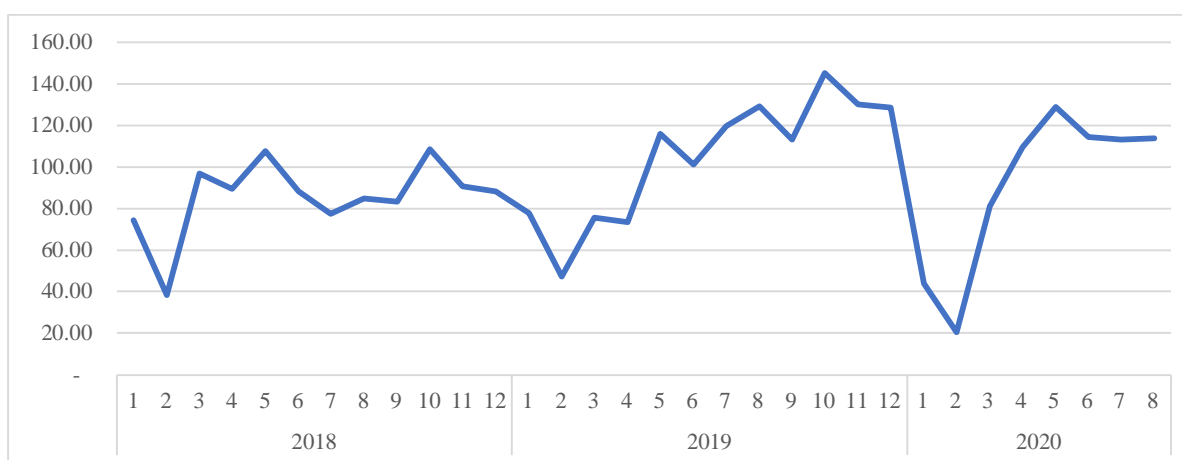
Để khắc phục thiệt hại do dịch Covid mang lại đối với các nhà máy chế biến thủy sản ở thành phố Đại Liên, các nhà chức trách ở địa phương này đã đưa ra giải pháp trợ cấp chi phí cho các biện pháp phòng ngừa và phát hiện coronavirus. Các công ty có thể yêu cầu một nửa chi phí cho các biện pháp kiểm tra và phòng ngừa, lên đến giới hạn 30.000 CNY (4.200 USD) cho mỗi công ty. Các công ty cũng đang được giảm giá điện, theo một thông tư của Quận Mới Jin Pu của thành phố, nơi có nhiều công ty chế biến thủy sản. Chính quyền Quận cũng đang trợ cấp một nửa chi phí quảng cáo của các công ty thủy sản địa phương cho đến hết tháng 11/2020, lên đến 50.000 CNY (7.000 USD) cho mỗi công ty. Ngoài ra, một gói cho vay lãi suất thấp đã được ngân hàng quốc doanh địa phương cung cấp cho các doanh nghiệp.

Xuất khẩu thủy sản của Ecuador sang thị trường Trung Quốc đang có dấu hiệu khôi phục nhất là đối với mặt hàng tôm từ khi Trung Quốc dỡ bỏ lệnh cấm 03 doanh nghiệp xuất khẩu của nước này từ cuối tháng 8. Tuy nhiên, Theo Văn phòng Nuôi trồng thủy sản Ê-cu-a-đo (CAN), lượng tôm xuất khẩu trung bình của Ê-cu-a-đo dự báo giảm xuống còn 45 nghìn tấn/tháng trong các tháng cuối năm 2020, thấp hơn 40 – 50% so với trung bình nửa đầu năm 2020. Theo lãnh đạo của CAN, xu hướng xuất khẩu tôm sang Trung Quốc giảm sẽ tiếp tục diễn ra trong các tháng tới. Mặc dù xuất khẩu tôm từ nay đến cuối năm 2020 ở mức thấp, nhưng CAN dự báo năm 2020 sản lượng và xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sẽ chỉ giảm 5% so với năm 2019 do xuất khẩu nửa đầu năm 2020 tăng 26% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh

đó, CAN cho rằng giá tôm sẽ tăng trong vài tháng tới do giảm sản xuất, dẫn tới giảm nguồn cung.

Theo Tổng cục Hải quan, 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc đạt 725,41 triệu USD giảm 1,93% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 13,92% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 113,70 triệu USD, tăng 0,38% với tháng 7/2020, giảm 11,29% so với cùng kỳ năm 2019. Cá tra và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính: tôm chiếm 35,23%; cá tra chiếm 38,11%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

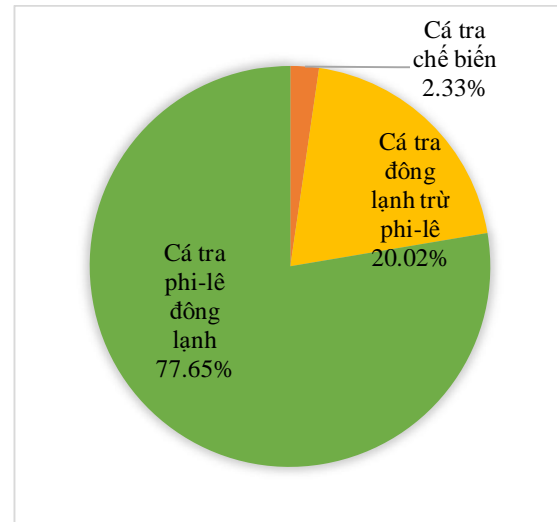
Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 8 năm 2020 đạt, 40,06 triệu USD, giảm 8,33% so với cùng kỳ năm 2019 đưa giá trị xuất khẩu tôm 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 277,32 triệu USD, tăng 0,77%. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu tôm sú và tôm thẻ chân trắng sang thị trường vẫn có xu hướng giảm trong tháng này. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 14,26 triệu USD, chiếm 35,60% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường này đạt , giảm 40,58% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 8,11 triệu USD, chiếm 20,26%, giảm 47,32%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 17,68 triệu USD, chiếm 44,15%, tăng 4,11 lần so với năm 2019.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 8 năm 2020 đạt 43,33 triệu USD, giảm 34,40% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường này 8 tháng/2020 đạt 267,21 triệu USD, giảm 23,76% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê sang thị trường

Trung Quốc đạt 8,68 triệu USD, tăng 11,66% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra chế biến đạt 1,01 triệu USD, tăng 102,19%; Cá tra phi-lê đạt 33,65 triệu USD, giảm 41,77%.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc như sau: Mực và bạch tuộc đạt 4,05 triệu USD, tăng 31,95% so với cùng kỳ năm 2019; Cua-ghe đạt 6,55 triệu USD, tăng 9,54 lần; Các loại thủy sản khác đạt 19,65 triệu USD, tăng 34,20%. Giá cá tra phi lê tháng 8/2020 đạt trung bình 1,47USD/kg giảm 37,37% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt trung bình 1,94 USD/kg; tăng 8,95%; Tôm các loại thuộc mã HS 03 đạt trung bình 10,48 USD/kg, tăng 1,10%.

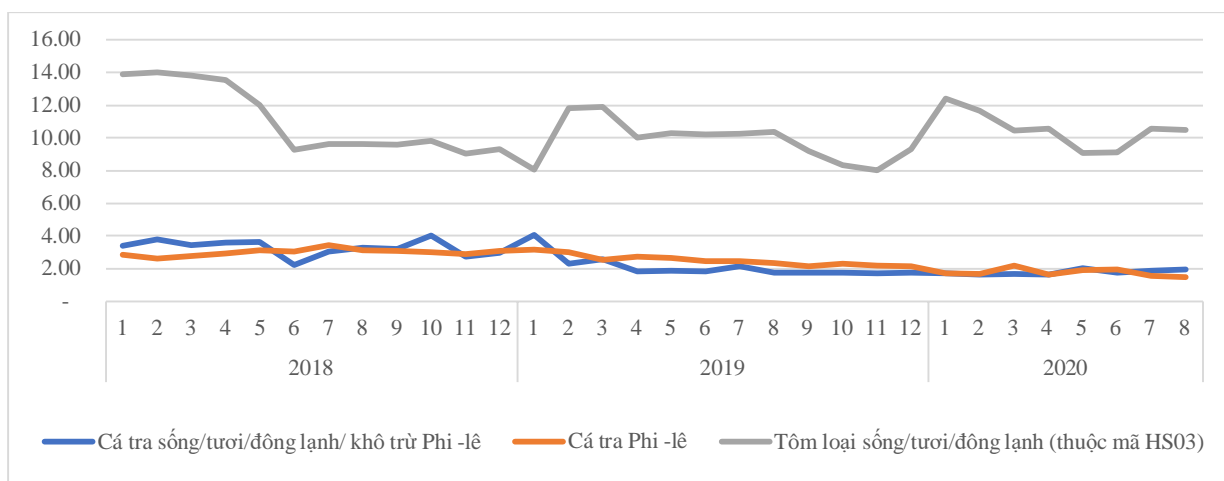
Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại Anh Nhân đạt 10,92 triệu USD, chiếm 9,60% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần quốc tế logistic Hoàng Hà đạt 7,45 triệu USD chiếm 6,55%; Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 4,11 triệu USD chiếm 3,61%.

Hình 16: Giá xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Trung Quốc



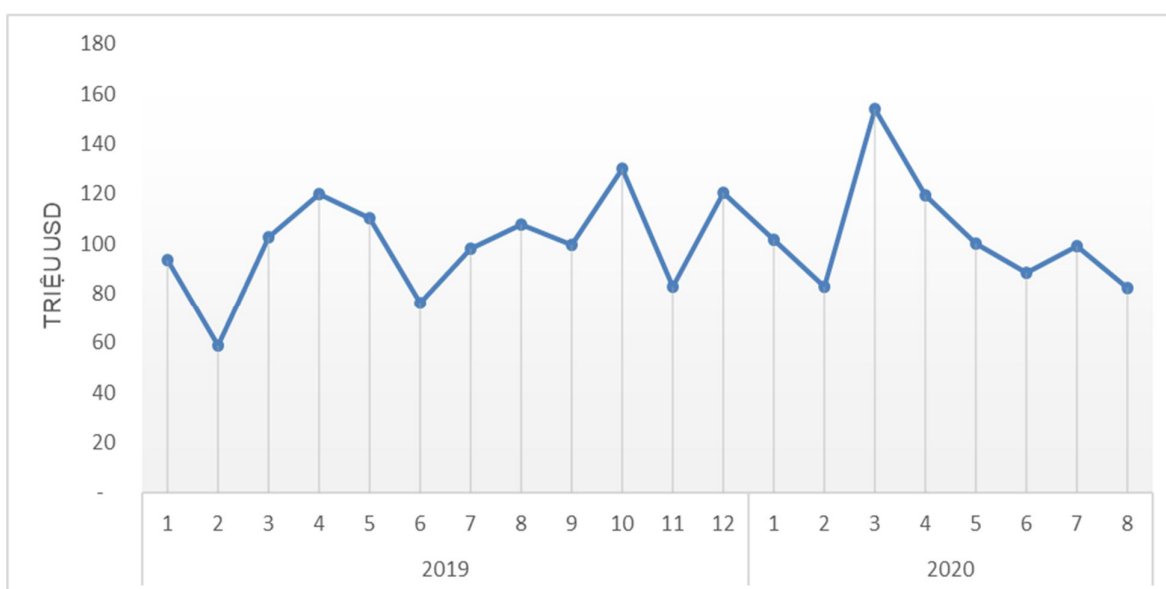
Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Sau thị trường Hoa Kỳ, thị trường Trung Quốc là thị trường lớn thứ hai trong giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam và chiếm 11.2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 8 năm 2020 đạt hơn 82 triệu USD, giảm 16.9% so với tháng 7. Tuy vậy, cộng dồn 8 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vẫn đạt gần 828 triệu USD, cao hơn 7.9% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc

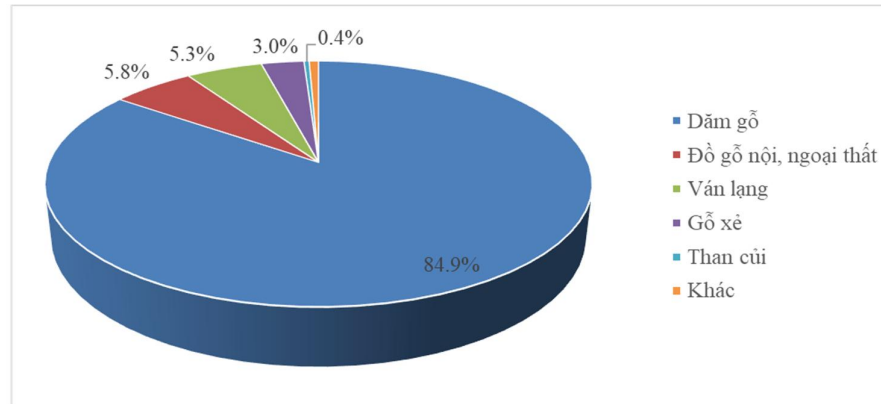


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số sản phẩm chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Dăm gỗ (tăng hơn 97 triệu USD, tương đương 16%); Ván lạng (tăng hơn 18 triệu USD, tương đương 70%); Gỗ xẻ (tăng khoảng 700 nghìn USD, tương đương 3%); Sản phẩm bằng gỗ khác (tăng hơn 300 nghìn USD, tương đương với hơn 36%). Tuy vậy, nhiều sản phẩm giảm về giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 như: Đồ gỗ nội thất (giảm hơn 26 triệu USD, tương đương giảm 36% so với cùng kỳ năm 2019); Gỗ dán (giảm hơn 7 triệu USD, tương đương giảm 90% so với cùng kỳ năm 2019); Than củi (giảm hơn 4 triệu, tương đương giảm 60% so với cùng kỳ năm 2019); Gỗ xây dựng, ván gỗ (giảm 1,6 triệu USD tương đương giảm 37% so với cùng kỳ năm 2019); Gỗ khung tranh, ảnh (giảm 1,3 triệu USD, tương đương giảm 97% so với cùng kỳ năm 2019).

Về cơ cấu các mặt hàng, xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là dăm gỗ chiếm khoảng 85% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là đồ gỗ nội thất (chiếm gần 6% tổng kim ngạch), ván lạng (chiếm 5.3% kim ngạch) và gỗ xẻ (chiếm 3.0% kim ngạch, còn lại là các mặt hàng khác

Hình 18: Cơ cấu mặt hàng gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang Trung Quốc 8 tháng/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong 8 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 1,52 triệu tấn gạo, trị giá khoảng 806 triệu USD, giảm 1,9% về khối lượng nhưng tăng nhẹ 0,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Ước tính, 30% gạo nhập khẩu của Trung Quốc là gạo chất lượng cao từ các nguồn chủ yếu như Thái Lan và Campuchia, trong khi khoảng 70% là các loại gạo bình thường khác, chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu chế biến hoặc phối trộn, các nguồn chủ yếu là Việt Nam, Pakistan, Myanmar. Loại gạo Trung Quốc nhập khẩu chính từ Việt Nam là gạo nếp, đây cũng là lợi thế riêng của ngành gạo Việt Nam đối với thị trường này. Tuy nhiên, đối với các loại gạo khác, gạo Việt Nam vẫn chưa được đánh giá cao như gạo Thái Lan và Campuchia.

2. Rau quả

Hiện đã vào vụ thu hoạch nhưng các vùng trồng nhãn ở miền Bắc lại đang gặp nhiều khó khăn trong xuất khẩu, nhất là thị trường Trung Quốc do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần thường xuyên trao đổi với các cơ quan chuyên môn và bộ phận thương vụ của Trung Quốc để kịp thời cập nhật thông tin thị trường, chính sách biên mậu, hàng rào kỹ thuật đối với các mặt hàng rau quả xuất khẩu nói chung và nhãn nói riêng.

3. Sản và sản phẩm từ sản

Nguồn sản lát tồn kho vụ 2019-2020 của Việt Nam gần như cạn kiệt trong bối cảnh tình trạng cây sản bị nhiễm bệnh khảm lá đang diễn ra trên diện rộng và ngày càng nghiêm trọng hơn khiến cho lượng cung sản của Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục giảm.

Bên cạnh đó, giá còn từ ngô và sản tại Trung Quốc đang giảm do nhu cầu tiêu thụ yếu hơn và do nguồn cung ngô nội địa lẫn nhập khẩu dồi dào. Điều này sẽ tác động trực tiếp lên nhập khẩu sản của Trung Quốc.

Dự báo giao dịch xuất khẩu sản lát và tinh bột sản trong thời gian tới sẽ tiếp tục trầm lắng do nhu cầu mua từ phía Trung Quốc yếu. Giá xuất khẩu 2 mặt hàng này sẽ không giữ được đà tăng trưởng 2 tháng trước khi các nhà máy bắt đầu chạy vụ mới khiến nguồn cung tăng lên.

4. Rau quả

Trước yêu cầu từ thị trường Trung Quốc, các doanh nghiệp, hộ sản xuất rau quả xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng cường giám sát chất lượng, chủ động phối hợp chặt chẽ với đối tác nhập khẩu tuân thủ nghiêm các quy định của Trung Quốc về tiêu chuẩn chất lượng; tích cực theo dõi, nắm bắt thông tin về thị trường để chủ động đưa hàng lên các cửa khẩu biên giới, qua đó góp phần giảm thiểu rủi ro và thời gian thông quan hàng hóa.

5. Thủy sản

Các nhà xuất khẩu thủy sản Việt Nam cũng cần lưu ý Trung Quốc đang kiểm tra khắt khe hơn về các sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào nước này. Các chợ thủy sản lớn ở Trung Quốc đã tiến hành các xét nghiệm Axit Nucleic (NAT) cho nhân viên và các mẫu môi trường như là một phản ứng nhanh với tình hình bùng phát dịch COVID-19 mới ở Bắc Kinh. Kể từ tháng 6/2020, sự cố ở chợ Xinfadi (Bắc Kinh) đã tác động không nhỏ đến thị trường thủy sản nhập khẩu trên khắp Trung Quốc. Vấn đề này tác động không nhỏ đến thị trường thủy sản nhập khẩu trên khắp Trung Quốc và chuỗi cung ứng thế giới, trong đó có thủy sản Việt Nam. Dự báo, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này quý IV không có nhiều chưa thể có tăng trưởng dương.

6. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Trung Quốc là một trong những thị trường tiêu thụ gỗ khá lớn nhưng đến nay chỉ chủ yếu nhập gỗ nguyên liệu và một phần sản phẩm gỗ mỹ nghệ từ Việt Nam.

Dự báo những tháng tới, xuất khẩu gỗ dăm của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tiếp tục cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các nước Brazil và Chile. Sản phẩm gỗ nội thất của Việt Nam giảm mạnh trong 8 tháng đầu năm và tiếp tục khó khăn do phải cạnh tranh của các sản phẩm từ Ý và Đức, Ba Lan và Malaysia, Thái Lan.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 8/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 8/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T7/2020	Tăng /giảm so T8/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	6.970.810	-18,52%	11,04%	0.94%
2	Cao su	225.850.077	10,94%	35,95%	30.49%
3	Chè	1.131.751	3,25%	-65,57%	0.15%
4	Gạo	23.546.498	23,64%	64,77%	3.18%
5	Gỗ và SP gỗ	82.435.252	-16,85%	-23,57%	11.13%
6	Rau quả	160.744.052	48,66%	0,54%	21.70%
7	Thủy sản	113.701.980	0,38%	-11,91%	15.35%
8	Hạt điều	40.432.778	32,55%	-32,09%	5.46%
9	Hạt tiêu	1.372.528	-2,34%	40,32%	0.19%
10	Mây tre đan	7.739.235	-6,57%	1,95%	1.04%
11	SP từ cao su	51.418.877	-26,25%	-20,64%	6.94%
12	TĂGS và nguyên liệu	25.428.001	16,60%	52,15%	3.43%
13	Thịt và SP thịt	47.746	44,42%	-99,51%	0.01%
Tổng XK NLTS		740,771,839	8.22%	-0,72%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 8/2020

Đơn vị: USD

T T	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019		Tháng 8/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)
1	Gạo nếp	5.067	2.715.973	42.055	22.907.944	730,0%	743,5%
2	Các loại gạo khác	24.307	11.574.393	994	638.554	-95,9%	-94,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2019	Tháng 8/2020	So sánh T8.2020/T8.2019
		(Triệu USD)	(Triệu USD)	
	Tổng giá trị xuất khẩu	159,9	160,7	0,5%
1	Thanh long	119,6	127,9	6,9%
2	Chuối	9,9	7,3	-26,3%
3	Mít	1,7	5,0	195,6%
4	Dừa	3,4	2,7	-20,6%
5	Chanh	3,5	2,1	-40,3%
6	Sầu riêng	2,5	1,7	-33,2%
7	Nhãn	1,8	1,7	-7,3%
8	Xoài	0,6	0,5	-20,7%
9	Chôm chôm	1,3	0,2	-86,0%
10	Mãng cụt	0,4	0,2	-60,1%
11	Vải	0,0	0,1	1190,2%
12	Dưa hấu	0,0	0,0	117,5%
13	Khác	15,1	11,5	-24,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	T8/2019 (USD)	T8/2020 (USD)	So sánh T8.2020/2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	9.726.238,8	47.745,8	-99,5%
1	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)	1.568.575,5	33.941,0	-97,8%
2	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh	3.524.250,6	13.804,8	-99,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 8 năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019 (USD)	Tháng 8/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
1	Cá tra	929.694,66	60.951,60	-93,44
2	Cua - ghẹ	66.054.174,55	43.331.232,01	-34,40
3	Mực và bạch tuộc	686.880,00	6.554.704,20	854,27
4	Tôm sú	3071550,65	4.053.022,24	31,95
5	Tôm thẻ chân trắng	15.401.768,51	8.113.562,45	-47,32
6	Tôm loại khác	23.994.043,30	14.257.675,02	-40,58
7	Thủy sản khác	4.298.342,56	17.683.971,41	311,41

Nguồn: Tổng cục Hải quan